

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BAC HA HYDROPOWER
THỦY ĐIỆN BẮC HÀ
JOINT STOCK COMPANY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness**

Số: 192/2026/CBTT-BHHC-TCHC
No.192/2026/CBTT-BHHC-TCHC

Lào Cai, ngày 16 tháng 03 năm 2026
Lao Cai, date 16 month 03 year 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
PERIODIC DISCLOSURE OF FINANCIAL STATEMENTS**

Kính gửi: - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
To: - Hanoi Stock Exchange

Thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

Pursuant to the provisions of Clause 2, Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020 of the Ministry of Finance guiding information disclosure on the stock market, Bac Ha Hydropower Joint Stock Company is publishing its 2025 financial statements to the Hanoi Stock Exchange as follows:

1. Tên tổ chức:

Name of organization:

- Mã chứng khoán: BHA

Stock code: BHA

- Địa chỉ: Thôn Lùng Xa, xã Bảo Nhai, tỉnh Lào Cai

Address: Lung Xa Village, Bao Nhai Commune, Lao Cai Province

- Điện thoại liên hệ/Tel: +84 214 6294668 Fax: +84 214 6268606

Contact phone number /Tel: +84 214 6294668 Fax: +84 214 6268606

- Email: thanhluanvu155@gmail.com Website: <https://thuydienbacha.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

Disclosed information:

- BCTC năm 2025

- *Financial statements for 2025*

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

Separate financial statements (TCNY does not have subsidiaries and superior accounting units with affiliated units);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

Consolidated financial statements (TCNY with subsidiaries);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

General financial statements (TCNY has an accounting unit under its own accounting apparatus).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

Cases subject to explanation of causes:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

The auditing organization gives an opinion that is not a full acceptance of the financial statements (for audited financial statements in 2025):

Có *Have*

Không *No*

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Written explanation in case of integration:

Có *Have*

Không *No*

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

Profit after tax in the reporting period has a difference before and after the audit of 5% or more, transferred from loss to profit or vice versa (for audited financial statements in 2025):

Có *Have*

Không *No*

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Written explanation in case of integration:

Có *Have*

Không *No*

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Profit after corporate income tax in the income statement of the reporting period varies from 10% or more compared to the same period of the previous year:

Có *Have*

Không *No*

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Written explanation in case of integration:

Có *Have*

Không *No*

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Profit after tax in the reporting period is lost, transferred from profit in the same period last year to loss in this period or vice versa:

Có *Have*

Không *No*

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Written explanation in case of integration:

Có *Have*

Không *No*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 16 tháng 03 năm 2026 tại đường dẫn <https://thuydienbacha.vn>

This information was published on the company's website date 16 month 03 year 2026 at the link <https://thuydienbacha.vn>

Nơi nhận:

Recipients:

- Như kính gửi;
- As sent;
- Lưu: TCHC.
- Save: TCHC.

Tài liệu đính kèm:

Attachments:

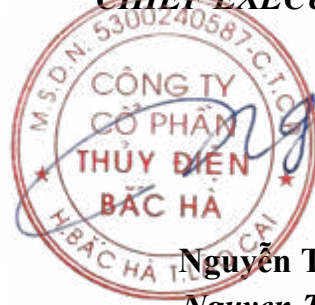
- BCTC năm 2025;

Financial statements for 2025;

- Văn bản giải trình CV số: 191/2026/CV-BHHC-TCKT ngày 13 tháng 03 năm 2026

Document explaining No. 191/2026/CV-BHHC-TCKT date 13 month 03 year 2026

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
LEGAL REPRESENTATIVE
TỔNG GIÁM ĐỐC
CHIEF EXECUTIVE OFFICER**



**Nguyễn Thành Hưng
Nguyen Thanh Hung**

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
THỦY
ĐIỆN
BẮC HÀ**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ
DN: C=VN, S=LÀO CAI, L=Bắc Hà, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ,
OID.0.9.2342.19200300.10 0.1.1=MST:5300240587
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.03.16 13:33:17 +07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2023.2.0



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ International Auditing Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025



Thành viên hãng AGN International
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International
Audit | Tax | Advisory

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ
Số 10, Đường Nguyễn Huệ, Phường Trưng Vương, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

MỤC LỤC

1. THÔNG TIN CHUNG

2. NỘI DUNG BÁO CÁO

3. KẾT LUẬN

4. THÔNG TIN BỔ SUNG

5. CHỖ CHỮ KÝ VÀ CHỮ ĐÓNG

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 27



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đồng Quốc Cường	Chủ tịch
Ông Phan Thanh Hải	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Cảnh Sơn	Ủy viên
Ông Nguyễn Danh Quân	Ủy viên
Ông Nguyễn Thành Hưng	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thành Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tình	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Ông Phạm Ngọc Tân	Trưởng ban kiểm soát
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên
Ông Đỗ Văn Chính	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Thành Hưng - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



A handwritten signature in blue ink, appearing to read "Nguyễn Thành Hưng".

Nguyễn Thành Hưng
Tổng Giám đốc
Ngày 10 tháng 03 năm 2026



Số: 031002/2026/BCKT-ICPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 10 tháng 03 năm 2026 từ trang 6 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025


Đơn vị: VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		142.201.801.379	156.442.874.815
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	79.429.538.866	122.043.769.533
1. Tiền	111		2.699.538.866	11.543.769.533
2. Các khoản tương đương tiền	112		76.730.000.000	110.500.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		62.772.262.513	33.851.857.294
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	60.533.987.975	28.314.773.938
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	559.603.446	3.011.834.892
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		1.678.671.092	2.525.248.464
III. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	547.247.988
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.4a	-	547.247.988
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.322.782.108.539	1.383.805.197.443
I. Tài sản cố định	220		1.322.405.478.602	1.383.784.271.517
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	1.322.405.478.602	1.383.784.271.517
- Nguyên giá	222		2.634.905.683.459	2.607.768.668.981
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.312.500.204.857)	(1.223.984.397.464)
II. Tài sản dài hạn khác	260		376.629.937	20.925.926
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.4b	376.629.937	20.925.926
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.464.983.909.918	1.540.248.072.258

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		388.816.194.731	553.897.997.252
I. Nợ ngắn hạn	310		201.927.989.579	196.155.822.600
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.6	5.652.644.445	1.328.097.566
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		849.198.938	2.544.796.157
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.7	19.975.480.766	6.823.167.391
4. Phải trả người lao động	314		1.057.339.294	970.927.025
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		427.858.333	2.478.740.170
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.8	2.281.362.980	336.475.300
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.9a	170.858.969.500	179.964.139.371
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		825.135.323	1.709.479.620
II. Nợ dài hạn	330		186.888.205.152	357.742.174.652
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.9b	186.888.205.152	357.742.174.652
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.076.167.715.187	986.350.075.006
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.10	1.076.167.715.187	986.350.075.006
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		660.000.000.000	660.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		660.000.000.000	660.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.639.363.292	12.185.316.581
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		401.528.351.895	314.164.758.425
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		234.510.156.264	150.561.644.357
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		167.018.195.631	163.603.114.068
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.464.983.909.918	1.540.248.072.258


Hà Thị Thùy
Người lập


Tạ Hồng Diệu
Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Hưng
Tổng Giám đốc
Ngày 10 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	337.602.932.002	364.125.331.903
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		337.602.932.002	364.125.331.903
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	105.406.242.981	120.931.846.913
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		232.196.689.021	243.193.484.990
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.365.387.299	1.095.778.293
6. Chi phí tài chính	22	VI.4	39.695.888.012	55.015.918.435
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		39.695.888.012	55.015.918.435
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	11.341.801.393	12.902.050.729
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		182.524.386.915	176.371.294.119
9. Thu nhập khác	31	VI.6	1.163.637.068	744.219
10. Chi phí khác	32	VI.7	561.983.251	6.787.503.379
11. Lợi nhuận khác	40		601.653.817	(6.786.759.160)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		183.126.040.732	169.584.534.959
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	16.107.845.101	5.981.420.891
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		167.018.195.631	163.603.114.068
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	2.357	2.309
16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	2.357	2.309


Hà Thị Thùy
Người lập


Tạ Hồng Diệu
Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Hưng
Tổng Giám đốc
Ngày 10 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	183.126.040.732	169.584.534.959
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	88.915.807.393	101.156.058.000
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.529.023.663)	(1.095.778.293)
Chi phí lãi vay	06	39.695.888.012	55.015.918.435
3. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	310.208.712.474	324.660.733.101
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(28.920.405.219)	28.384.574.368
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(12.256.842.869)	(9.006.784.429)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	191.543.977	(174.427.869)
Tiền lãi vay đã trả	14	(37.772.761.884)	(77.883.965.564)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.204.089.000)	(5.079.468.225)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	225.246.157.479	260.900.661.382
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(23.430.272.438)	-
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	163.636.364	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.365.387.299	1.095.778.293
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(21.901.248.775)	1.095.778.293
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	20.607.885.205	42.619.398.203
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(200.567.024.576)	(192.104.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(66.000.000.000)	(60.517.846.703)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(245.959.139.371)	(210.002.448.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(42.614.230.667)	51.993.991.175
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	122.043.769.533	70.049.778.358
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	79.429.538.866	122.043.769.533

Hà Thị Thùy
Người lập

Tạ Hồng Diệu
Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Hưng
Tổng Giám đốc
Ngày 10 tháng 03 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5300240587 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 18 tháng 02 năm 2008.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần 09 ngày 22 tháng 05 năm 2025, vốn điều lệ Công ty là 660.000.000.000 đồng (sáu trăm sáu mươi tỷ đồng), tương đương 66.000.000 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm là sản xuất, truyền tải điện và phân phối điện.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

6. Nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 48 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 48 người).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định về khả năng hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 59.726.188.200 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 39.712.947.785 đồng). Khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong vòng 12 tháng tới sẽ phụ thuộc vào khả năng huy động được nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng và các nguồn thu khác để thanh toán các khoản nợ đến hạn (nếu cần thiết) và duy trì nguồn vốn lưu động cần thiết để tiếp tục hoạt động trong tương lai gần. Ban Tổng Giám đốc đã thường xuyên đánh giá và quyết liệt triển khai các kế hoạch để Công ty có thể duy trì tối đa khả năng hoạt động liên tục. Các giải pháp đã và đang thực hiện bao gồm:

- Nhà máy thủy điện Bắc Hà hiện vẫn đang vận hành ổn định sẽ tiếp tục mang lại nguồn thu lớn cho Công ty trong các năm tiếp theo.
- Công ty sẽ tiếp tục nhận được các khoản cung cấp tín dụng từ Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Lào Cai để đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và thanh toán các khoản nợ đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Giả định về khả năng hoạt động liên tục (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như khả năng cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng việc lập báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán đang áp dụng

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Hướng dẫn kế toán mới đã được ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các văn bản như sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp;
- Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư 200; và
- Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 200.

Các nội dung liên quan đến cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước như hướng dẫn tại Thông tư 200 vẫn tiếp tục được thực hiện.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các Báo cáo tài chính của Công ty cho các kỳ kế toán trong tương lai, bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ; các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi hoặc nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	19 - 45
Máy móc và thiết bị	06 - 16
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 - 12

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm công cụ và dụng cụ, đây là các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua, theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Chính sách ưu đãi thuế: Theo quy định của Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty thành lập dự án đầu tư thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, được hưởng ưu đãi thuế Thu nhập doanh nghiệp 10% trong 15 năm: từ năm 2012 đến hết năm 2026; được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 04 năm từ năm 2012 đến hết năm 2015; được giảm 50% số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 09 năm từ năm 2016 đến năm 2024. Theo đó, năm 2024 là năm cuối cùng Công ty được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Năm 2025 sẽ là năm thứ mười bốn Công ty áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 10% đối với thu nhập chịu thuế phát sinh từ dự án đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	22.134.296	29.254.831
Tiền gửi ngân hàng	2.677.404.570	11.514.514.702
Các khoản tương đương tiền (*)	76.730.000.000	110.500.000.000
Cộng	79.429.538.866	122.043.769.533

(*) Gồm các Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 01 - 03 tháng tại Ngân Hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long và Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Lào Cai với lãi suất từ 1,6 - 4,2%/năm.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	60.471.741.959	28.314.773.938
Chi nhánh Viettel Lào Cai	62.246.016	-
Cộng	60.533.987.975	28.314.773.938

Dòng tiền thu được từ Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Lào Cai (chi tiết tại thuyết minh số V.9 - Vay và nợ thuê tài chính).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn Ban Mai	-	1.819.675.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Môi trường và Xây dựng VINACEE Việt Nam	-	301.598.400
Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Môi trường	198.087.446	300.000.000
Công ty TNHH MTV Vimax Châu á	220.000.000	220.000.000
Trả trước cho người bán khác	141.516.000	370.561.492
Cộng	559.603.446	3.011.834.892

4. Chi phí trả trước

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	547.247.988
Cộng	-	547.247.988
b. Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	376.629.937	20.925.926
Cộng	376.629.937	20.925.926

77
JG
NH
M
C
UAI
53002
CÔNG
CỔ PH
ỦY Đ
SẮC H
HÀ T.L

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày đầu năm	1.679.692.843.378	809.344.831.277	118.730.994.326	2.607.768.668.981
Mua trong năm	-	8.307.347.222	631.818.182	8.939.165.404
Đầu tư XDCB hoàn thành	18.597.849.074	-	-	18.597.849.074
Thanh lý, nhượng bán	-	(400.000.000)	-	(400.000.000)
Tại ngày cuối năm	1.698.290.692.452	817.252.178.499	119.362.812.508	2.634.905.683.459
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày đầu năm	448.746.310.500	656.507.092.638	118.730.994.326	1.223.984.397.464
Khấu hao trong năm	38.035.561.044	50.862.695.844	17.550.505	88.915.807.393
Thanh lý, nhượng bán	-	(400.000.000)	-	(400.000.000)
Tại ngày cuối năm	486.781.871.544	706.969.788.482	118.748.544.831	1.312.500.204.857
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	1.230.946.532.878	152.837.738.639	-	1.383.784.271.517
Tại ngày cuối năm	1.211.508.820.908	110.282.390.017	614.267.677	1.322.405.478.602

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 1.313.483.863.703 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.383.784.271.517 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 137.478.288.858 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 137.878.288.858 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

6. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH TM Sài Gòn Ban Mai	2.729.512.500	2.729.512.500	-	-
Công ty Cổ phần Đường bộ Lào Cai	1.377.229.540	1.377.229.540	-	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	619.248.529	619.248.529	619.248.529	619.248.529
Phải trả người bán khác	926.653.876	926.653.876	708.849.037	708.849.037
Cộng	5.652.644.445	5.652.644.445	1.328.097.566	1.328.097.566
Phải trả người bán là bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số VII.2)	619.248.529	619.248.529	619.248.529	619.248.529

7. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp /bù trừ trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	32.260.412.076	30.936.117.466	1.324.294.610
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.204.088.083	16.107.846.018	6.204.089.000	16.107.845.101
Thuế thu nhập cá nhân	59.496.369	870.266.895	876.314.277	53.448.987
Thuế tài nguyên	547.440.700	45.524.798.524	43.594.489.395	2.477.749.829
Các loại thuế khác	12.142.239	20.375.258.304	20.375.258.304	12.142.239
Cộng	6.823.167.391	115.138.581.817	101.986.268.442	19.975.480.766

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

8. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Kinh phí công đoàn	188.700.875	170.659.129
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	169.445.977	165.816.171
Lãi vay phải trả	1.923.126.128	-
<u>Trong đó</u>		
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	1.419.761.534	-
- Ngân hàng TMCP Phát triển Hồ Chí Minh - Chi nhánh Lào Cai	503.364.594	-
Phải trả khác	90.000	-
Cộng	<u>2.281.362.980</u>	<u>336.475.300</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

9. Vay và nợ thuê tài chính

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND ^o	trả nợ VND	VND	VND	VND	trả nợ VND
a) Ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Phát triển Hồ Chí Minh - CN Lào Cai (i)	5.000.000	5.000.000	20.607.885.205	22.567.024.576	1.964.139.371	1.964.139.371
Cộng vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	5.000.000	5.000.000	20.607.885.205	22.567.024.576	1.964.139.371	1.964.139.371
Nợ dài hạn đến hạn trả	170.853.969.500	170.853.969.500			178.000.000.000	178.000.000.000
Tổng	170.858.969.500	170.858.969.500			179.964.139.371	179.964.139.371
b) Dài hạn						
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Thăng Long (ii)	233.698.469.787	233.698.469.787	-	115.000.000.000	348.698.469.787	348.698.469.787
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Lào Cai (iii)	124.043.704.865	124.043.704.865	-	63.000.000.000	187.043.704.865	187.043.704.865
Cộng	357.742.174.652	357.742.174.652	-	178.000.000.000	535.742.174.652	535.742.174.652
Nợ dài hạn đến hạn trả	170.853.969.500	170.853.969.500			178.000.000.000	178.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Thăng Long	115.000.000.000	115.000.000.000			115.000.000.000	115.000.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Lào Cai	55.853.969.500	55.853.969.500			63.000.000.000	63.000.000.000
Tổng	186.888.205.152	186.888.205.152			357.742.174.652	357.742.174.652

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

9. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm VND</u>	<u>Số đầu năm VND</u>
Trong vòng một năm	170.853.969.500	178.000.000.000
Từ năm thứ hai trở đi	186.888.205.152	357.742.174.652
Cộng	<u>357.742.174.652</u>	<u>535.742.174.652</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	170.853.969.500	178.000.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	<u>186.888.205.152</u>	<u>357.742.174.652</u>

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Lào Cai theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 35089/24MB/HĐTD ngày 24 tháng 06 năm 2025 và phụ lục số 35089/24MB/HĐTD ngày 24 tháng 06 năm 2025. Hạn mức tín dụng là 30 tỷ đồng. Thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày 24 tháng 06 năm 2025 đến ngày 24 tháng 06 năm 2028. Thời hạn trả nợ của mỗi lần giải ngân và lãi suất tương ứng được quy định cụ thể theo từng kế ước nhận nợ. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thanh toán các loại thuế theo quy định. Tài sản đảm bảo là quyền đòi nợ hình thành trong tương lai từ Hợp đồng kinh tế số 05/2012/HĐ-NMĐ-TĐ BẮC HÀ ngày 19 tháng 05 năm 2012 và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo (nếu có) giữa Công ty mua bán điện Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Công ty CP Thủy điện Bắc Hà và các tài sản khác theo hợp đồng đảm bảo số 1621/21MB/HĐĐ ngày 26 tháng 01 năm 2021 và các Phụ lục/Hợp đồng sửa đổi bổ sung (nếu có).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD-BH/2006 ngày 30 tháng 10 năm 2006 và các Phụ lục sửa đổi bổ sung. Hạn mức tín dụng là 1.129 tỷ đồng. Thời hạn cho vay là 162 tháng. Mục đích vay là để thanh toán chi phí dự án công trình thủy điện Bắc Hà. Lãi suất cho vay được tính bằng tổng lãi suất huy động tiết kiệm và lãi suất biên 3,6%/năm. Tài sản đảm bảo là các tài sản gắn liền với đất, các động sản và quyền tài sản khác và quyền sử dụng đất hình thành từ dự án (Thuyết minh số V.5 - Tài sản cố định hữu hình).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng vay vốn số 02/2009 ngày 13 tháng 06 năm 2009. Hạn mức tín dụng là 315 tỷ đồng. Thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên theo kế ước nhận nợ. Thời gian ân hạn là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay để đầu tư các hạng mục Dự án Công trình Nhà máy Thủy điện Bắc Hà. Lãi suất trong hạn được quy định cụ thể theo từng lần giải ngân, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tài sản bảo đảm là toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ Dự án xây dựng Nhà máy Thủy điện Bắc Hà (Thuyết minh số V.5 - Tài sản cố định hữu hình).
 - Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư phát triển số 05/2006/HĐTD ngày 27 tháng 12 năm 2006 và các Hợp đồng, Phụ lục hợp đồng sửa đổi, bổ sung. Hạn mức tín dụng là 156 tỷ đồng. Thời hạn cho vay 168 tháng kể từ giải ngân đầu tiên (31 tháng 10 năm 2007). Thời gian ân hạn 49 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Thời hạn trả nợ gốc là 119 tháng, thời điểm bắt đầu trả nợ gốc là tháng 11 năm 2011. Lãi suất trong hạn 7,8%/năm tính trên dư nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Mục đích vay để đầu tư các hạng mục dự án: phục vụ di dân giải phóng mặt bằng, mua sắm thiết bị sản xuất trong nước gồm đập tràn, cửa nhận trước, đường ống áp lực, cửa dẫn nước ra, tuốc bin phát máy (nếu có) theo đúng nội dung Dự án đầu tư được phép phê duyệt. Tài sản bảo đảm là toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ Dự án xây dựng Nhà máy Thủy điện Bắc Hà (Thuyết minh số V.5 - Tài sản cố định hữu hình).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

10. Vốn chủ sở hữu

a. Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày đầu năm trước	660.000.000.000	7.339.188.153	217.025.361.658	884.364.549.811
Lãi trong năm	-	-	163.603.114.068	163.603.114.068
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	4.846.128.428	(4.846.128.428)	-
Chia cổ tức	-	-	(59.400.000.000)	(59.400.000.000)
Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(2.217.588.873)	(2.217.588.873)
Tại ngày đầu năm nay	660.000.000.000	12.185.316.581	314.164.758.425	986.350.075.006
Lãi trong năm	-	-	167.018.195.631	167.018.195.631
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển (i)	-	2.454.046.711	(2.454.046.711)	-
Chia cổ tức (i)	-	-	(66.000.000.000)	(66.000.000.000)
Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	(11.200.555.450)	(11.200.555.450)
Tại ngày cuối năm	660.000.000.000	14.639.363.292	401.528.351.895	1.076.167.715.187

(i) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 223/2025/NQ-BHHC-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 04 năm 2025. Theo đó, Công ty thực hiện trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển và chia cổ tức cho cổ đông.

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị VND	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị VND
Tổng Công ty Licogi - CTCP	41,00%	270.629.830.000	41,01%	270.649.830.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Bắc Hà	24,19%	159.666.000.000	24,19%	159.666.000.000
Các cổ đông khác	34,80%	229.704.170.000	34,80%	229.684.170.000
Cộng	100%	660.000.000.000	100%	660.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

10. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	66.000.000	66.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	66.000.000	66.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	66.000.000	66.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	66.000.000	66.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

11. Các khoản mục ngoại Bảng cân đối kế toán

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý		
Tổng Công ty Licogi - CTCP - Chi nhánh Licogi số 1	4.837.568.040	4.837.568.040
Công ty TNHH MTV Anh Phương Hoàng	254.952.997	254.952.997
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Vận tải Bình Phát	36.900.576	36.900.576
Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xây dựng GNG	250.000.000	250.000.000
Xí nghiệp khảo sát xây dựng điện 1	40.710.824	40.710.824
Cộng	5.420.132.437	5.420.132.437

12. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Trong năm, Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và phân phối điện năng tại khu vực miền Bắc (tỉnh Lào Cai). Do đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	337.602.932.002	364.125.331.903
Cộng Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	337.602.932.002	364.125.331.903

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn bán điện thương phẩm	105.406.242.981	120.931.846.913
Cộng	105.406.242.981	120.931.846.913

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, cho vay	1.365.387.299	1.095.778.293
Cộng	1.365.387.299	1.095.778.293

4. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	39.695.888.012	55.015.918.435
Cộng	39.695.888.012	55.015.918.435

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.123.237.357	5.639.859.394
Thuế và các khoản lệ phí	757.294.470	842.112.807
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.461.269.566	6.420.078.528
Cộng	11.341.801.393	12.902.050.729

6. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý tài sản cố định	163.636.364	-
Thu nhập khác	1.000.000.704	744.219
Cộng	1.163.637.068	744.219

7. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Xóa nợ phải thu khó đòi	-	5.420.132.437
Xử lý công nợ tạm ứng	-	14.000.830
Phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm	129.515.952	1.333.370.112
Các khoản khác	432.467.299	20.000.000
Cộng	561.983.251	6.787.503.379

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

8. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	183.126.040.732	169.584.534.959
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(23.211.226.790)	(50.826.646.826)
Các khoản điều chỉnh tăng	561.983.251	6.787.503.379
- Chi phí không được trừ	561.983.251	6.787.503.379
Các khoản điều chỉnh giảm	(23.773.210.041)	(57.614.150.205)
Chi phí lãi vay năm trước không được trừ chuyển sang năm nay theo Nghị định 20/2025/NĐ-CP	(23.773.210.041)	(57.614.150.205)
Thu nhập chịu thuế TNDN	159.914.813.942	118.757.888.133
- Thu nhập chịu thuế hưởng ưu đãi	158.751.176.874	118.757.143.914
- Thu nhập chịu thuế không hưởng ưu đãi	1.163.637.068	744.219
Thuế suất ưu đãi	10%	10%
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.107.845.101	11.875.863.235
Ưu đãi thuế	-	5.937.857.196
Truy thu thuế TNDN từ những năm trước	-	43.414.851
Chi phí thuế TNDN hiện hành	16.107.845.101	5.981.420.891

9. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế	167.018.195.631	163.603.114.068
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(11.434.357.909)	(11.200.555.450)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	155.583.837.722	152.402.558.618
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	66.000.000	66.000.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.357	2.309

(*) Quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được tính bằng tỷ lệ Quỹ khen thưởng phúc lợi đã trích trên lợi nhuận sau thuế của năm 2024 nhân với Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu: Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính này. Vì vậy, lãi suy giảm trên cổ phiếu cũng bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Công ty thực hiện điều chỉnh lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 ngày 18 tháng 04 năm 2025 về việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

9. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu (Tiếp theo)

	Số đã báo cáo VND	Điều chỉnh VND	Số trình bày lại VND
Lợi nhuận sau thuế	163.603.114.068	-	163.603.114.068
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(3.368.916.091)	(7.831.639.359)	(11.200.555.450)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	160.234.197.977	(7.831.639.359)	152.402.558.618
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	66.000.000	-	66.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.428	(119)	2.309

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	13.199.751.657	16.224.214.842
Chi phí khấu hao tài sản cố định	88.915.807.393	101.156.058.000
Thuế, phí và lệ phí	757.294.470	842.112.807
Chi phí dịch vụ mua ngoài & bằng tiền khác	13.875.190.854	15.611.511.993
Cộng	116.748.044.374	133.833.897.642

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký hợp đồng thuê đất số 314/HĐTĐ ngày 09 tháng 09 năm 2008 với Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai để sử dụng với mục đích xây dựng nhà máy thủy điện Bắc Hà từ ngày 13 tháng 09 năm 2007 đến ngày 30 tháng 12 năm 2047. Diện tích khu đất thuê là 8.274.121 m² bao gồm các huyện: Bắc Hà, Mường Khương và Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Căn cứ Quyết định số 1347/QĐ-CT ngày 26 tháng 06 năm 2014 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Lào Cai về việc miễn tiền thuê đất, Công ty được miễn tiền thuê đất trong 19 năm từ ngày 13 tháng 09 năm 2007 đến hết ngày 31 tháng 08 năm 2026 tương ứng với số tiền là 90.711.663.000 đồng.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Tổng Công ty Licogi - CTCP
Tổng Công ty Licogi - CTCP - Chi nhánh Licogi số 1
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát

Mối quan hệ

Cổ đông lớn
Cùng Cổ đông lớn
Cùng Cổ đông lớn
Ban lãnh đạo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cổ tức đã trả	27.062.983.000	24.358.484.700
Tổng Công ty Licogi - CTCP	27.062.983.000	24.358.484.700
Xóa nợ	-	4.837.568.040
Tổng Công ty Licogi - CTCP - Chi nhánh Licogi số 01	-	4.837.568.040

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản phải trả người bán	619.248.529	619.248.529
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	619.248.529	619.248.529

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Chức danh	Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Đồng Quốc Cường	Chủ tịch HĐQT	326.000.000	204.000.000
Ông Phan Thanh Hải	Phó chủ tịch HĐQT	291.000.000	170.000.000
Ông Nguyễn Cảnh Sơn	Thành viên HĐQT	256.000.000	136.000.000
Ông Nguyễn Danh Quân	Thành viên HĐQT	256.000.000	136.000.000
Ông Nguyễn Thành Hưng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.227.291.857	1.012.987.859
Ông Nguyễn Văn Tình	Phó Tổng Giám đốc	729.024.237	659.043.058
Ông Phạm Ngọc Tân	Trưởng BKS	256.000.000	136.000.000
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên BKS	221.000.000	102.000.000
Ông Đỗ Văn Chính	Thành viên BKS	221.000.000	102.000.000
Cộng		3.783.316.094	2.658.030.917

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào trọng yếu phát sinh sau ngày lập Báo cáo tài chính cần điều chỉnh hoặc công bố trên thuyết minh Báo cáo tài chính.

Hà Thị Thùy
Người lập

Tạ Hồng Diệu
Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Hưng
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 03 năm 2026